

VN-Index **1669.01 (-1.01%)**

691 Tr. cổ phiếu 14678.3 Tỷ VND (4.85%)

HNX-Index **269.35 (-1.33%)**

58 Tr. cổ phiếu 896.5 Tỷ VND (18.97%)

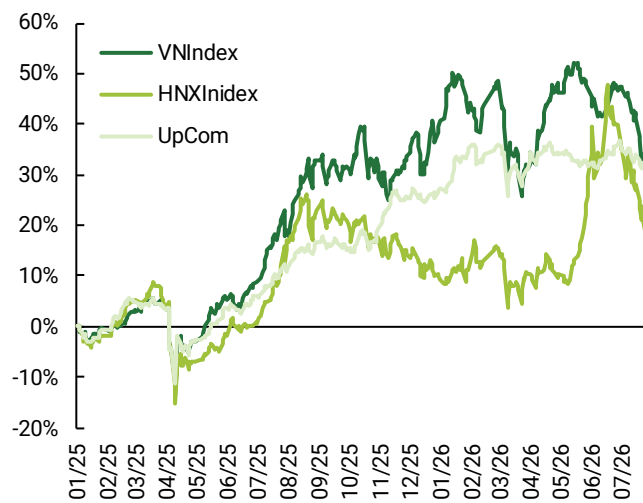
UPCOM-Index **126.26 (0.29%)**

39 Tr. cổ phiếu 500.4 Tỷ VND (12.46%)

VN30F1M **1811.10 (-1.30%)**

243,287 HD OI: 41,854 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2025 các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1669.0, giảm -17.1 điểm (-1.01%). Thanh khoản tăng với độ rộng nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng chi phối ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Sự thận trọng tiếp tục đè nặng tâm lý giao dịch, trước bối cảnh căng thẳng địa chính trị trở lại và vấn đề thuế quan còn bất định.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bảo hiểm: BVH (+0.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: BCM (-6.9%), HDC (-6.8%), SZC (-6.8%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEX (-6.9%), GEE (-6.5%), VSC (-5.6%) | Dịch vụ tài chính: VND (-7.0%), CTS (-7.0%), FTS (-6.9%) | Ngân hàng: BID (-3.6%), SHB (-3.0%), HDB (-2.1%) | Dầu khí: PVD (-3.7%), PVP (-3.5%), PLX (-3.0%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | LPB, VHM, MCH, VIC, PNJ - Chiều giảm | BID, MWG, TCX, HPG, VPB.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 700 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VPB, TCB, SHB, trong khi mua ròng LPB, MBB, FRT.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến giảm Marubozu, cho thấy bên bán vẫn chiếm ưu thế. Tâm lý thị trường hiện duy trì ở mức bi quan. Dù vậy, việc các chỉ báo động lượng lùi trở lại vùng quá bán mở ra cơ hội để mặt bằng cổ phiếu hình thành đáy hai thấp hơn với trạng thái phân kỳ dương. Nếu kịch bản này xuất hiện, độ tin cậy của quá trình tạo đáy sẽ được củng cố. Trường hợp lực cầu vẫn suy yếu, quá trình tìm điểm cân bằng có thể còn kéo dài. Về vận động chỉ số, việc vượt trở lại ngưỡng 1710 điểm sẽ giúp xác nhận nhịp hồi hướng tới vùng cản 1750 điểm. Trái lại, nếu chỉ số đánh mất mốc 1660 điểm, đà giảm khả năng mở rộng về vùng 1600 - 1620 điểm, nơi kịch bản hình thành đáy hai mới có cơ sở rõ ràng hơn.
- Đối với HNX-Index**, nỗ lực phục hồi chưa thành công và chỉ số đã điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ quanh MA100 ngày, ứng với ngưỡng 270 điểm. Giao dịch khả năng tiếp tục giằng co kiểm định cung cầu quanh đây.
- Chiến lược:** Nhà đầu tư có thể đưa các cổ phiếu mục tiêu vào danh sách theo dõi, nhưng nên ưu tiên chờ thêm tín hiệu xác nhận về điểm cân bằng của thị trường trước khi giải ngân. Các nhịp phục hồi hiện tại nhiều khả năng vẫn mang tính kỹ thuật, do đó việc mua đuổi hoặc bắt đáy sớm sẽ tiềm ẩn rủi ro nếu lực cầu chưa đủ mạnh để xác nhận sự trở lại của xu hướng tăng. Tỷ trọng tổng thể nên tiếp tục duy trì ở mức an toàn.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi VNM (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,669.0 ▼	-1.0%	-4.3%	-10.8%	14,678.3 ▲	4.9%	-25.2%	-9.1%	691.2 ▲	8.8%	-20.0%	29.3%				
HNX-Index	269.4 ▼	-1.3%	-5.3%	-15.3%	896.5 ▲	19.0%	-31.5%	17.9%	58.1 ▲	22.0%	-27.8%	26.5%				
UPCOM-Index	126.3 ▬	0.3%	-0.1%	-2.1%	500.4 ▲	12.5%	6.9%	-46.2%	38.7 ▲	22.1%	29.4%	-33.8%				
VN30	1,806.5 ▼	-1.2%	-4.3%	-10.1%	7,820.1 ▲	2.7%	-30.9%	-16.9%	243.6 ▲	2.7%	-37.9%	8.4%				
VNMID	1,798.0 ▼	-2.6%	-5.6%	-14.6%	5,147.1 ▼	-0.9%	-25.9%	0.2%	306.2 ▲	9.6%	-19.1%	32.5%				
VNSML	1,201.0 ▼	-1.5%	-3.7%	-10.4%	643.9 ▲	30.1%	-14.5%	-17.4%	49.1 ▲	18.0%	-28.7%	-13.0%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	590.6 ▼	-1.1%	-3.65%	-9.2%	3,961.2 ▼	-0.1%	-41.7%	-23.5%	182.8 ▼	-2.4%	-33.9%	-18.3%				
Bất động sản	924.8 ▼	-0.2%	-3.6%	-10.0%	3,117.6 ▲	56.8%	3.4%	13.6%	131.9 ▲	57.9%	14.3%	45.9%				
Dịch vụ tài chính	266.9 ▼	-4.4%	-7.1%	-14.9%	2,561.5 ▲	69.5%	0.6%	-2.1%	138.9 ▲	61.7%	-2.3%	7.0%				
Công nghiệp	212.2 ▼	-3.5%	-4.7%	-9.8%	957.3 ▲	11.0%	-4.3%	8.6%	40.5 ▼	-1.7%	-3.5%	32.2%				
Tài nguyên cơ bản	450.9 ▼	-2.0%	-0.7%	-10.2%	457.4 ▼	-12.8%	-36.3%	-23.8%	26.5 ▼	-9.5%	-32.7%	-17.2%				
Xây dựng - Vật Liệu	145.3 ▼	-2.1%	-2.0%	-7.5%	440.4 ▲	20.3%	-12.2%	-23.1%	29.3 ▲	21.0%	-2.2%	-4.5%				
Thực phẩm	474.2 ▬	0.1%	0.1%	4.5%	871.6 ▲	6.7%	-17.3%	-18.7%	20.5 ▼	-18.6%	-21.3%	-13.7%				
Bán Lẻ	1,204.6 ▼	-5.1%	-5.4%	-2.7%	583.0 ▲	41.1%	-18.2%	14.6%	9.2 ▲	48.4%	-17.2%	21.5%				
Công nghệ	339.9 ▼	-1.2%	-6.9%	-11.8%	290.9 ▼	-46.2%	-45.2%	-50.8%	5.3 ▼	-46.2%	-45.2%	-47.1%				
Hóa chất	142.4 ▼	-0.9%	-5.2%	-13.8%	228.8 ▲	4.8%	-22.6%	-18.7%	9.1 ▼	-0.9%	-19.1%	-12.5%				
Tiện ích	672.1 ▼	-0.5%	-3.8%	-7.8%	200.1 ▼	-35.2%	-42.6%	-42.9%	10.2 ▼	-43.0%	-33.0%	-39.8%				
Dầu khí	95.3 ▼	-1.9%	-4.5%	-4.4%	281.0 ▼	-27.0%	-22.26%	-47.1%	11.6 ▼	-28.0%	-25.0%	-39.1%				
Dược phẩm	380.9 ▬	0.1%	-1.1%	-4.2%	63.2 ▲	168.9%	28.4%	64.8%	2.9 ▲	169.8%	38.1%	83.4%				
Bảo hiểm	91.9 ▬	0.6%	-2.3%	-7.3%	17.6 ▲	35.4%	-8.2%	-34.0%	0.5 ▲	29.0%	-4.3%	-26.0%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,669.0 ▼	-1.01%	-6.5%	13.9x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,624 ▼	-1.21%	29.0%	17.3x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,186 ▼	-0.17%	-28.5%	14.8x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,663 ▬	0.58%	2.9%	15.6x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,315 ▬	0.54%	4.3%	9.6x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,858 ▲	1.15%	-2.8%	19.1x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,207 ▬	0.98%	-1.7%	13.0x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	64,931 ▬	0.50%	29.0%	23.5x	2.9x
S&P 500	Mỹ	7,412 ▬	0.05%	8.3%	27.3x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,947 ▬	0.46%	8.1%	25.0x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,779 ▬	0.40%	8.5%	15.8x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,359 ▲	1.24%	9.8%	18.0x	2.5x
DXV		101.3 ▼	-0.18%	3.0%		
USDVND		26,315 ▼	-0.034%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

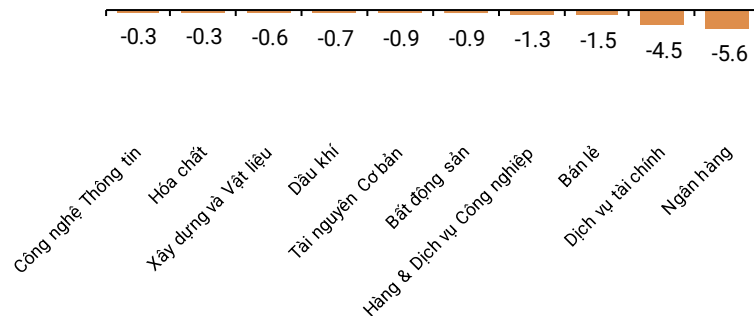
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-8.3%	23.3%	45.9%	29.7%
Dầu WTI	▼	-6.8%	20.3%	45.0%	27.8%
Khí gas	▼	-4.1%	-14.8%	-25.3%	-11.5%
Than cốc (*)	▬	0.0%	0.0%	24.3%	38.8%
Thép HRC (*)	▬	0.2%	-1.1%	0.6%	-5.3%
PVC (*)	▼	-1.6%	4.0%	0.4%	-14.1%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	-2.4%	-1.0%	-13.6%
Cao su thiên nhiên	▬	0.7%	4.8%	21.5%	24.3%
Bông Cotton	▼	-0.4%	9.1%	21.7%	16.7%
Đường	▼	-1.2%	4.4%	-2.7%	-10.4%
World Container Index	▬	0.0%	5.0%	97.7%	73.7%
Baltic Dirty tanker Index	▲	1.2%	32.3%	92.0%	187.1%
Vàng	▬	0.96%	0.1%	-5.3%	22.6%
Bạc	▲	1.69%	0.0%	-17.4%	55.0%

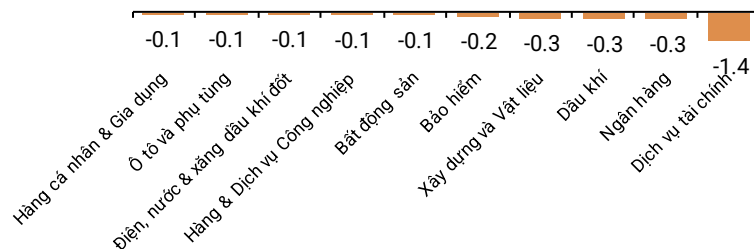
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

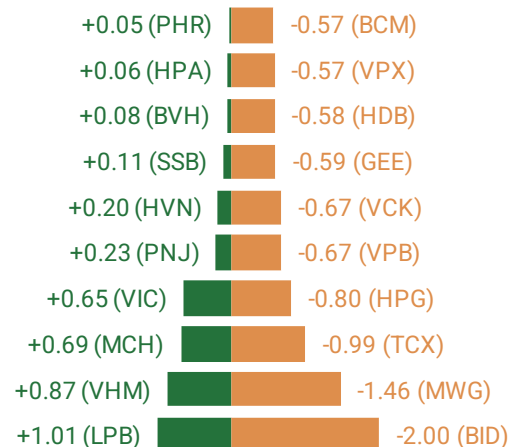
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



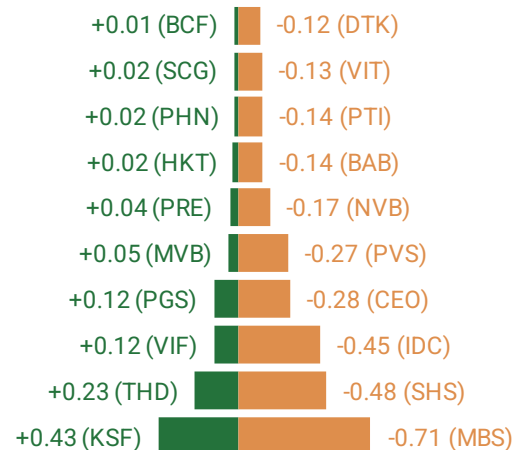
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

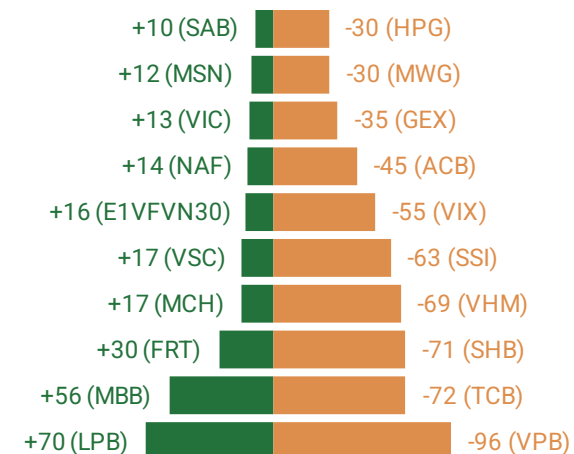


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

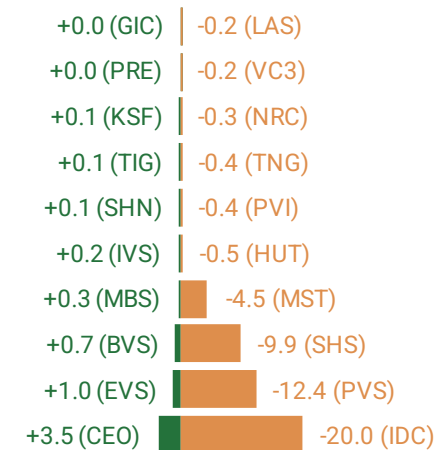


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	VIX	SHB	MWG	VHM
%DoD	0.2%	-5.6%	-3.0%	-6.9%	0.8%
Giá trị	623	558	522	507	489

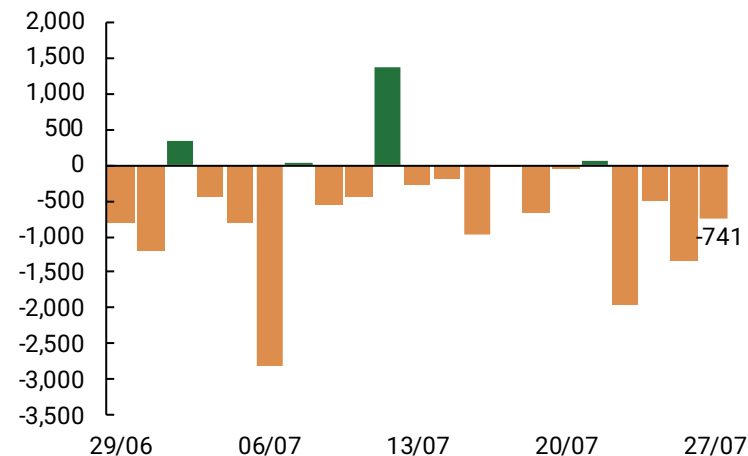
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VPX	VHM	HDB	HAH	SJS
%DoD	-5.6%	0.8%	-2.1%	-2.2%	0.0%
Giá trị	572	390	304	130	127

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



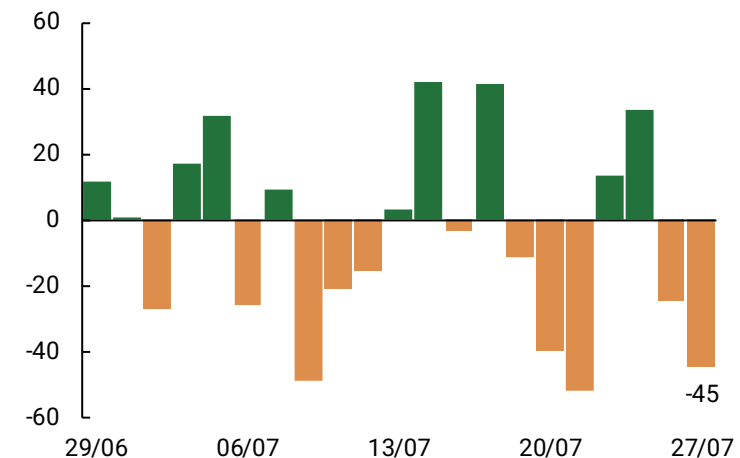
	SHS	MBS	PVS	CEO	IDC
%DoD	-5.9%	-6.5%	-2.6%	-6.9%	-5.4%
Giá trị	182	144	92	87	42

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	VIT	HUT	IDC	KSV	ADC
%DoD	-9.9%	-0.7%	-5.4%	-0.2%	0.0%
Giá trị	30	23	1	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến giảm Marubozu, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 | 1660.
- ✓ Kháng cự: 1750 | 1800.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: VN-Index chưa thể lấy lại ngưỡng 1700 điểm cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế. Ở kịch bản tích cực, chỉ số có thể tiếp tục rung lắc quanh vùng 1670 – 1700 để tái tạo vùng cân bằng và thúc đẩy nhịp hồi về khu vực cản 1750 điểm. Trái lại, dấu hiệu suy yếu dưới ngưỡng 1660 điểm sẽ phát rủi ro mở rộng đà giảm về vùng hỗ trợ thấp hơn, quanh mốc 1600 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm Marubozu, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900 | 1960.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Sắc đỏ trở lại chi phối hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế. Việc VN30 vượt trên ngưỡng 1850 sẽ củng cố hơn cho nhịp phục hồi hướng về vùng cản 1900 - 1920. Chiều ngược lại, nếu lực cầu vẫn suy yếu, đà giảm có thể tiếp tục mở rộng về khu vực thấp hơn, quanh mốc 1780 – 1800 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	VNM	WATCH	Current price	57.90	P/E (x)	11.8
			Watch zone	56 - 57	P/B (x)	3.7
Exchange	HOSE		Target price	62	EPS	4914.2
			Cut loss price	54	ROE	31.7%
Sector	Food Products				Stock Rating	A
				Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

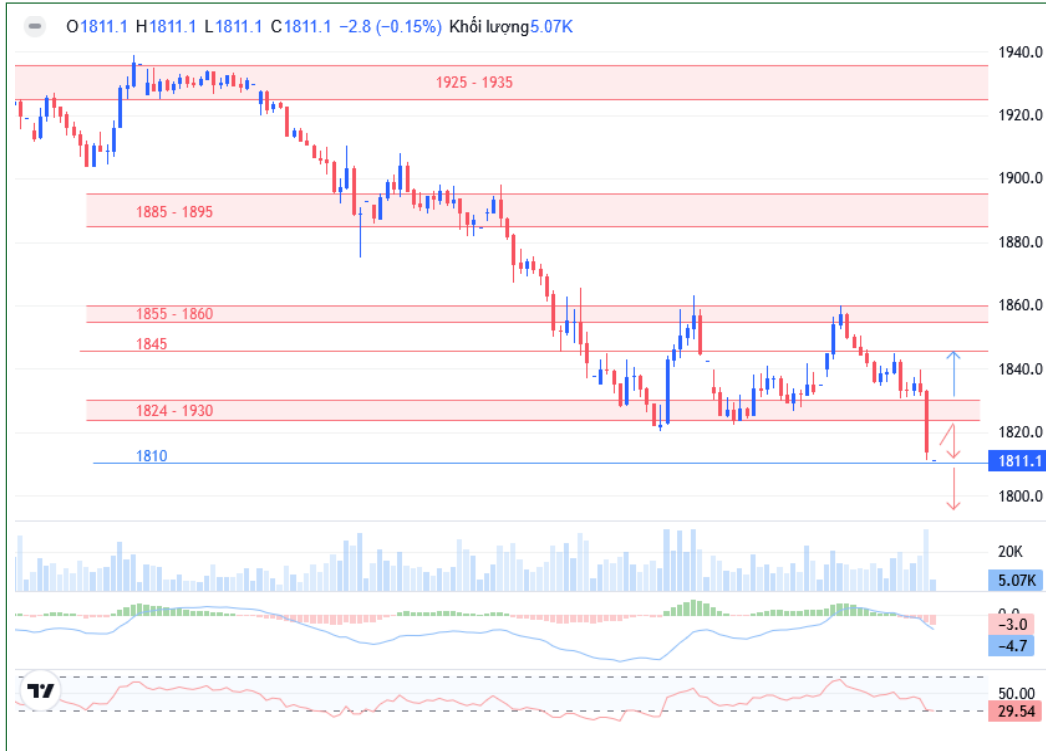
- Giá đang thiết lập nền giá mới.
 - Chỉ báo MACD cắt lên trở lại đường signal, cùng với RSI cũng cải thiện lên trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - MA20 cắt lên MA50 sẽ củng cố cho nhịp hồi trung hạn.
- ➔ Xu hướng đang dần thoát khỏi pha điều chỉnh.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá hạ nhiệt về khu vực 56 – 57, nếu tín hiệu kiểm định thành công có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VNM	Theo dõi	28/07/2026	57.9	56 - 57	-	62	9.7%	54	-4.4%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	---------------------------	--------------	---------------	----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1811.1, giảm 23.9 điểm (-1.3%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch và gia tăng mạnh hơn khi gần kết phiên.
- Ở đồ thị 15 phút**, chỉ báo MACD đảo chiều cắt xuống đường signal cho thấy áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế. Dù vậy, RSI đang tiếp cận vùng quá bán, có thể xuất hiện nhịp hồi đan xen. Theo đó, vị thế Short nên chờ khi giá phục hồi và suy yếu ở vùng 1820 – 1825, hoặc khi giá chỉ hồi nhẹ rồi tiếp tục sập gãy ngưỡng 1810. Vị thế Long cần nhắc khi giá trở lại vận động trên ngưỡng 1832.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1741.1, giảm 14.9 điểm (-0.9%). Độ lệch basis 11.9 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh cân bằng, đạt 32 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1725 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1760 điểm.

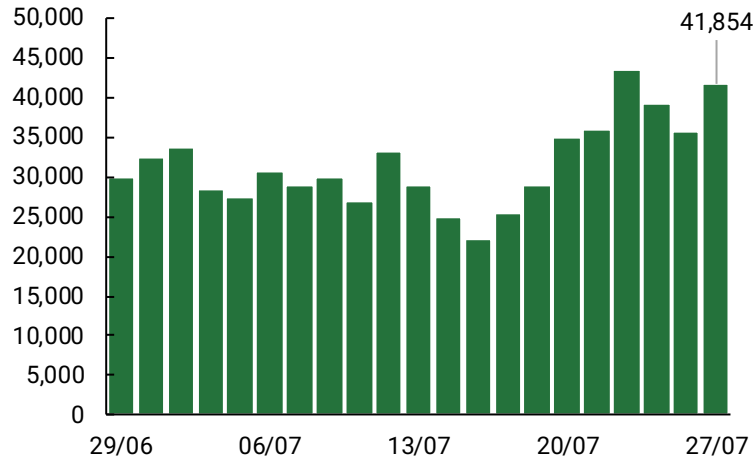
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Short	< 1822	1806	1830	16 : 8
Short	< 1810	1795	1819	15 : 9
Long	> 1832	1846	1824	14 : 8

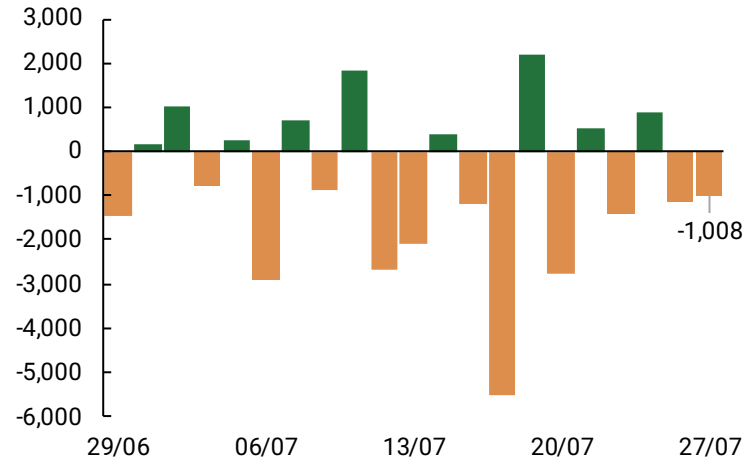
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,829.0	-0.7	26	47	1,824.1	4.9	18/03/2027	234
4111GC000	1,804.0	-26.0	73	836	1,817.2	-13.2	17/12/2026	143
4111G9000	1,812.0	-24.2	469	1,336	1,810.4	1.6	17/09/2026	52
4111G8000	1,811.1	-23.9	243,287	41,854	1,808.3	2.8	20/08/2026	24
4112G8000	1,741.1	-14.9	32	63	1,730.9	10.2	20/08/2026	24

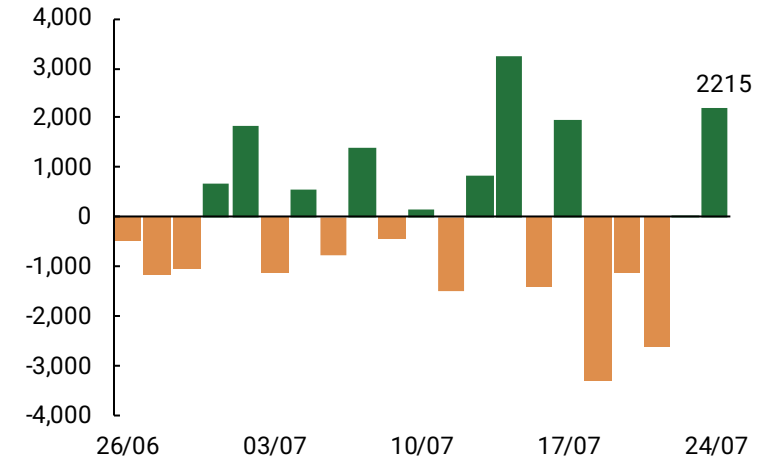
Khối lượng mở (Open interest)



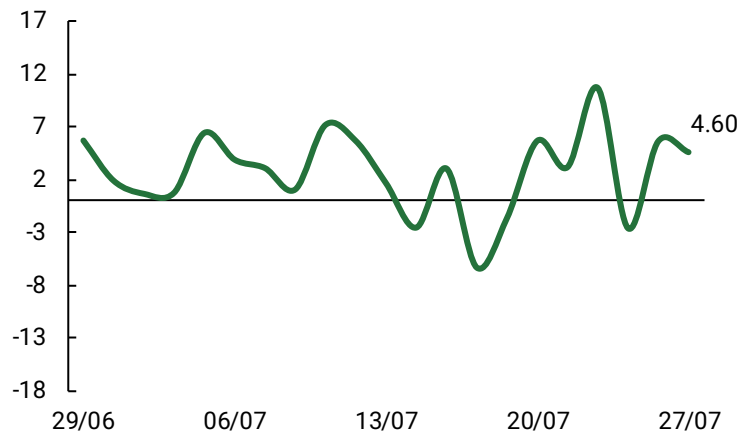
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



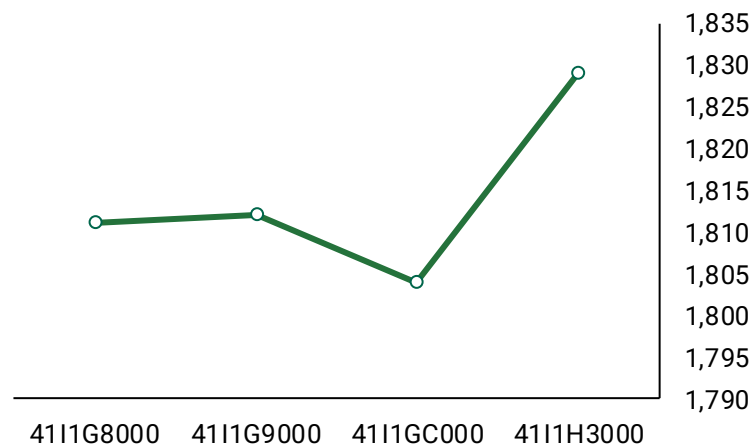
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



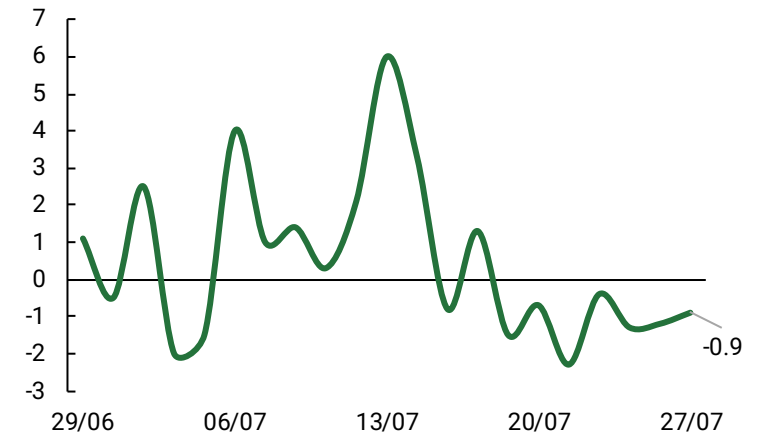
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



- 01/07 Việt Nam, Mỹ – Chỉ số PMI
- 02/07 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 03/07 Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 2
- 09/07 Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 14/07 Mỹ – Chỉ số CPI
- Việt Nam – Công bố danh mục VN30
- Mỹ – Chỉ số PPI
- 15/07 Trung Quốc – GDP Q2, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
- Canada – BOC họp và công bố lãi suất
- 16/07 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai VN30, VN100
- 20/07 Trung Quốc – Lãi suất cho vay 1y, 5y
- Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 đơn lẻ
- 23/07 EU – ECB công bố lãi suất
- Mỹ – FED họp và công bố lãi suất
- 30/07 Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 (công ty mẹ, hợp nhất, tổng hợp)

THÔNG TIN VĨ MÔ

Giá USD tiến sát đỉnh, tỷ giá trung tâm lên 25,293 VND/USD: Sáng 27/7, NHNN nâng tỷ giá trung tâm thêm 10 đồng lên 25,293 VND/USD, chỉ thấp hơn 5 đồng so với mức đỉnh 25,298 VND/USD thiết lập cuối tháng 8 năm ngoái. Với biên độ 5%, các ngân hàng thương mại được phép giao dịch USD trong vùng 24,028–26,557 VND/USD. Tại Vietcombank, giá USD được niêm yết ở mức 26,140 đồng mua vào và 26,520 đồng bán ra, tăng 10 đồng so với cuối tuần trước.

Tín dụng tăng 7.86%, chênh lệch tín dụng - huy động vẫn khá lớn: Đại diện NHNN cho biết đến ngày 13/7/2026, quy mô dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt gần 20.1 triệu tỷ đồng, tăng 7.86% so với cuối năm 2025. Mức tăng này tương đương khoảng 1.46 triệu tỷ đồng được bổ sung cho nền kinh tế từ đầu năm. Tốc độ tăng huy động vốn đã có cải thiện, nhưng khoảng cách chênh lệch giữa tín dụng và huy động vẫn khá lớn, gây áp lực cho hệ thống ngân hàng trong việc cân đối nguồn vốn.

NHNN hút ròng tuần thứ 3 liên tiếp hơn 26,300 tỷ đồng: Trong tuần 20–24/07, NHNN tiếp tục hút ròng tuần thứ 3 liên tiếp với giá trị 26,352 tỷ đồng. Cụ thể, nhà điều hành bơm mới 13,944 tỷ đồng qua kênh OMO với kỳ hạn 7–56 ngày và lãi suất 4.5%/năm, trong khi khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá đạt 40,296 tỷ đồng. Sau giao dịch, lượng OMO lưu hành trong hệ thống còn khoảng 34,553 tỷ đồng.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

MSN - Lãi quý II cao kỷ lục, gấp hơn 2.3 lần cùng kỳ: Masan ghi nhận LNST quý II/2026 đạt 3,800 tỷ đồng, gấp 2.3 lần YoY; lũy kế 6 tháng đạt 5,773 tỷ đồng, gấp 2.2 lần cùng kỳ. LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số 6 tháng đạt 4,371 tỷ đồng, gấp 3 lần YoY. Dựa trên kết quả tích cực, Masan đề xuất nâng kế hoạch năm 2026 lên 98,000–105,000 tỷ đồng doanh thu và 10,000–11,500 tỷ đồng LNST.

GAS - Lãi hơn 8,000 tỷ đồng sau 6 tháng: PV GAS ước doanh thu 6 tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 75,000 tỷ đồng và LNTT hơn 8,000 tỷ đồng. Với kết quả này, doanh nghiệp hoàn thành khoảng 53% kế hoạch doanh thu và hơn 71% mục tiêu lợi nhuận trước thuế cả năm. Trong nửa đầu năm, PV GAS đã thu xếp khoảng 545 triệu Sm³ LNG để bổ sung nguồn khí cho các nhà máy điện trong cao điểm mùa khô.

LPB - Hai cá nhân liên quan nắm gần 10% vốn LPBank: LPBank cập nhật danh sách cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên, trong đó bà Phạm Thu Hương hiện sở hữu hơn 148.3 triệu cổ phiếu LPB, tương ứng 4.965% vốn điều lệ. Cùng với ông Phạm Nhật Vượng, người đang sở hữu 146.2 triệu cổ phiếu LPB, hai cá nhân có liên quan đang trực tiếp nắm hơn 294.5 triệu cổ phiếu, tương ứng khoảng 9.86% vốn LPBank. Khoản sở hữu này được biết đến là đầu tư cá nhân của ông Vượng và bà Hương.

SGB - Ngân hàng đầu tiên báo lỗ trong quý II/2026: Saigonbank ghi nhận lỗ trước thuế 40 tỷ đồng trong quý II/2026, trong khi cùng kỳ năm trước lãi 76.4 tỷ đồng. Kết quả sụt giảm chủ yếu do thu nhập lãi thuần giảm 31.34% YoY, chi phí hoạt động tăng 10.19% và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 62.38%. Lũy kế 6 tháng, LNTT của ngân hàng đạt 48 tỷ đồng, giảm 72.41% so với cùng kỳ năm 2025.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	35,100	73,400	109.1%	Mua
CTG	28,750	40,700	41.6%	Mua
CTD	55,200	82,900	50.2%	Mua
DBD	48,950	68,000	38.9%	Mua
DDV	18,204	35,900	97.2%	Mua
DGW	33,150	47,500	43.3%	Mua
DPG	26,050	42,300	62.4%	Mua
DPR	35,300	46,500	31.7%	Mua
DRI	12,698	17,200	35.5%	Mua
EVF	12,000	14,400	20.0%	Tăng tỷ trọng
FRT	107,800	151,000	40.1%	Mua
GMD	72,300	92,700	28.2%	Mua
HAH	44,000	58,300	32.5%	Mua
HDG	15,500	30,900	99.4%	Mua
HHV	9,800	11,700	19.4%	Tăng tỷ trọng
HPG	20,350	30,700	50.9%	Mua
IMP	35,000	54,400	55.4%	Mua
KDH	16,400	38,800	136.6%	Mua
MCH	137,500	177,200	28.9%	Mua
MWG	63,300	115,600	82.6%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	21,650	33,000	52.4%	Mua
NLG	20,000	39,400	97.0%	Mua
NT2	21,100	27,700	31.3%	Mua
PHR	57,000	72,800	27.7%	Mua
PNJ	32,900	75,500	129.5%	Mua
PVS	33,300	39,900	19.8%	Tăng tỷ trọng
PVT	16,300	18,900	16.0%	Tăng tỷ trọng
POW	13,200	15,000	13.6%	Tăng tỷ trọng
SAB	46,600	57,900	24.2%	Mua
SSI	22,000	32,100	45.9%	Mua
TLG	45,900	50,000	8.9%	Nắm giữ
TCB	28,250	41,700	47.6%	Mua
TCM	16,900	35,300	108.9%	Mua
TRC	74,500	94,800	27.2%	Mua
VCB	54,000	79,700	47.6%	Mua
VPB	24,550	36,500	48.7%	Mua
VCG	15,300	23,300	52.3%	Mua
VHC	53,200	58,000	9.0%	Nắm giữ
VNM	57,900	66,650	15.1%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801